TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Hải Yến

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 370/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Vũ Đức T**, sinh năm 1990;

ĐKHKTT: thôn P, xã C, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Huyền N**, sinh năm 1994;

ĐKHKTT: thôn P, xã C, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: thôn X, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

-Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị Lự, sinh năm 1968;

ĐKHKTT: thôn X, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

Anh T, chị N có mặt, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn anh Vũ Đức T trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Huyền N kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Cẩm Giàng ngày 10/4/2019. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng bố mẹ anh đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bên cạnh đó chị N còn mâu thuẫn với gia đình anh. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, vợ chồng bất đồng quan điểm, chị N không biết cách đối nhân xử thế, những lời lẽ hành động xúc phạm anh và gia đình chồng. Từ đó mà vợ chồng nhiều lần xảy ra

cãi vã, to tiếng, xô xát nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng quá lớn nên khoảng cuối năm 2021, chị N đã đưa con ra ngoài thuê trọ và về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân. Từ khi vợ chồng ly thân, anh có đến thăm con thì vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù hai bên gia đình đã động viên, khuyên bảo nhưng vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Việt K, sinh ngày 22/12/2020, Vũ Việt A, sinh ngày 17/5/2022, cả hai con ở với chị N từ khi vợ chồng ly thân. Anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu K để chị N nuôi dưỡng cháu A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm nghề tóc tại nhà, mức thu nhập trung bình khoảng từ 10 triệu đồng/tháng và đang sống cùng bố mẹ, có phòng riêng cho bố con anh sinh hoạt, bố mẹ anh còn khỏe mạnh có thể hỗ trợ thêm cho anh trong việc nuôi dưỡng con với những điều kiện tốt nhất.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền N trình bày:

+ Về hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn giống như anh T đã trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng về ở cùng với bố mẹ anh T ở cùng thôn. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, ngoài ra còn mâu thuẫn giữa chị và gia đình chồng. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt và nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Anh T không giành thời gian chăm sóc con, khi thấy mâu thuẫn giữa chị và gia đình chồng không đứng về phía chị, bảo vệ chị mà còn có những lời lẽ khó nghe, vợ chồng không có sự yêu thương, đùm bọc nhau. Chán nản nên chị đã đưa con ra ngoài thuê nhà trọ ở và đến tháng 3/2022 thì chị đã đưa con lớn về nhà bố mẹ ở và sinh con thứ hai, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Thời gian đầu anh T có đến thăm mẹ con chị, nhưng không bao giờ nhắc bảo chị quay về đoàn tụ, có lần anh T và mẹ anh T đến thăm con thì hai bên tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, kể từ đó anh T và gia đình chỉ đến thăm cháu khi chị vắng nhà. Từ tháng 08/2022 anh T đi xuất khẩu lao động, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị cũng xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, không thể đoàn tụ được nữa, tuy nhiên do các con vẫn còn nhỏ, giữ nguyên hiện trạng để lo cho con, sau này các con lớn mới giải quyết ly hôn, nên chị không nhất trí ly hôn anh T.

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như anh T đã trình bày là đúng, các cháu là Vũ Việt K, sinh ngày 22/12/2020, Vũ Việt A, sinh ngày 17/5/2022, cả hai con hiện đang ở với chị, được chăm sóc phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần. Do từ trước đến nay, hai anh em sinh hoạt cùng nhau, chị không muốn tách các con ra. Vì vậy trường hợp chị và anh T phải ly hôn, đề nghị Tòa án

giao cả hai con cho một người nuôi, nếu anh T muốn nuôi con thì phải nuôi cả hai, trường hợp anh T không muốn nuôi cả hai thì chị xin nuôi hai cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/01 con/tháng kể từ khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Hiện chị làm nhân viên văn phòng của Công ty Giày ở thị trấn L, có thu nhập trung bình khoảng 13 triệu đến 14 triệu đồng/tháng, ngoài ra chị còn dạy thêm tiếng Trung để tăng thu nhập. Chị đang ở nhờ bố mẹ đẻ, bố mẹ chị dành riêng cho mẹ con chị một phòng để mẹ con chị sinh hoạt.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kết quả làm việc với bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ chị N) xác định: Anh T, chị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị về ở cùng bố mẹ anh T và quát trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân cụ thể là gì thì bà không nắm được. Do mâu thuẫn nên từ tháng 5/2022, chị đã đưa hai con về ở cùng với vợ chồng bà. Nay, anh T làm đơn xin ly hôn chị N, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ vì các con vẫn còn nhỏ. Anh T, chị N có hai con chung như anh chị đã trình bày và hiện đang ở chị N và vợ chồng bà. Trường hợp anh chị ly hôn, chị N được giao nuôi dưỡng con bà không có ý kiến gì và không giúp chị N trong việc chắm sóc con được vì tuổi tác của vợ chồng bà đã cao, bà từ chối tham gia tố tụng, trường hợp vẫn phải tham gia tố tụng bà xin vắng mặt. Mặc dù đã đọc lại toàn bộ biên bản do Tòa án lập nhưng bà Lự không ký.

- Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã H, đại diện cán bộ lao động thương binh xã hội và Trưởng thôn Xuân Nẻo đều được cung cấp: về thời gian và điều kiện kết hôn của chị N, anh T đúng như các đương sự đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng với bố mẹ anh T ở thị trấn L, huyện Cẩm Giàng. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn hay không, nguyên nhân là gì thì địa phương không nắm được. Địa phương chỉ biết khoảng năm 2022, chị N đưa con về ở cùng với bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, vợ chồng có 02 con chung như các đương sự đã trình bày, các cháu đang ở với chị N, được chị nuôi dưỡng phát triển tốt. Hiện chị N làm công nhân ở Cẩm Giàng và có thu nhập, đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị N và xin được nuôi dưỡng con chung như đã trình bày. Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn anh T và giữ nguyên quan điểm về nuôi con.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Vũ Đức T được ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền N; Về con chung: Giao cho anh Vũ Đức T được nuôi dưỡng con chung Vũ Việt K, sinh ngày 22/12/2020, giao cho chị Nguyễn Thị Huyền N nuôi dưỡng cháu Vũ Việt A, sinh ngày 17/5/2022 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T, chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh Vũ Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Vũ Đức T và chị Nguyễn Thị Huyền N kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2022 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, nuôi dưỡng, chắm sóc con chung, mỗi người có một quan điểm trái ngược nhau. Theo anh T, chị N không biết cách đối nhân xử thế, có những lời lẽ hành động xúc phạm anh và gia đình chồng; còn theo chị N, nguyên nhân là do anh T không dành thời gian cùng chị chăm sóc con, vì vậy mà vợ chồng hay xảy ra cãi vã, to tiếng. Từ năm 2021, chị N đã đưa các con ra ngoài thuê nhà trọ và sau đó về nhà bố mẹ đẻ ở xã H sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Lời khai của anh T phù hợp với lời khai của chị N, người làm chứng cũng như biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã H. Mặc dù chị N không đồng ý ly hôn, nhưng lý do không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ, để các con lớn mới ly hôn là chưa thuyết phục. Vì chính chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, thực tế từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, chị cũng không có giải pháp nào dàn xếp chuyện tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh T được ly hôn với chị N là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Việt K, sinh ngày 22/12/2020, Vũ Việt A, sinh ngày 17/5/2022, cả hai con đang ở với chị N. Anh T đề nghị được nuôi dưỡng cháu K để chị N nuôi dưỡng cháu A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con; chị N đề nghị Tòa án giao cả hai con cho một người nuôi, nếu anh T muốn nuôi con thì phải nuôi cả hai, trường hợp anh T không muốn nuôi cả hai thì chị xin nuôi hai cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/01 con/tháng kể từ khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, HĐXX thấy rằng: Cháu K đã trên 4 tuổi, cháu A dưới 36 tháng tuổi,

cả anh T, chị N đều có việc làm và có thu nhập, đều được bố mẹ hai bên tạo điều kiện về chỗ ăn ở nên điều kiện nuôi con là như nhau. Tuy nhiên, để xem xét giao con cho ai nuôi dưỡng, cần xem xét một cách khách quan, toàn diện, tất cả vì lợi ích của con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".* Hiện cháu A mới được hơn hai tuổi, vẫn còn nhỏ và cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn; nhưng nếu giao cả hai con cho một người nuôi dưỡng thì cũng rất vất vả, nếu giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng thì phù hợp hơn, vì cháu cũng đã hơn 04 tuổi, anh cũng làm nghề tự do tại nhà có thể đưa đón con đi học và trực tiếp chăm sóc cháu, cùng với sự hỗ trợ của ông bà nội. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, HĐXX giao cho chị N được nuôi dưỡng con chung Vũ Việt A, giao cho anh T được nuôi dưỡng cháu Vũ Việt K cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do mỗi người nuôi một con, tuổi các con cũng không chênh lệch nhau nhiều nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T, chị N không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Vũ Đức T khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Vũ Đức T được ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền N.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Đức T được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Việt K, sinh ngày 22/12/2020, giao cho chị Nguyễn Thị Huyền N được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Việt A, sinh ngày 17/5/2022, cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hiện cả hai con đang ở với chị N. Anh T, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23, số 0005785 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã C, Cẩm Giàng
(để nghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân